

# DI TÍCH KHẢO CỔ HỌC TIỀN SỬ CAMPUCHIA

VŨ CÔNG QUÝ\*

Theo một công trình nghiên cứu công bố gần đây nhất cho biết ở Campuchia đã phát hiện được gần 20 di tích khảo cổ học tiền sử<sup>(1)</sup>. Trong đó phần lớn là những di tích mới chỉ được điều tra sơ bộ, những di tích đã khai quật chiếm tỷ lệ rất ít. Tuy nhiên, đó lại là những di tích thuộc các thời đại khảo cổ khác nhau. Do vậy, chúng ta có thể phác dựng bức tranh khảo cổ học tiền sử Campuchia từ thời đại đá cũ đến thời đại đồng thau-sắt.

## I. NHỮNG DI TÍCH THỜI ĐẠI ĐÁ CŨ

### 1. Di tích đá cũ miền Đông Campuchia

Di tích đá cũ miền Đông Campuchia do E.Saurin phát hiện năm 1963 và công bố năm 1966<sup>(2)</sup>. E.Saurin đã phát hiện được những công cụ đá cũ trên ba bậc thềm cổ: Thềm 40-45m, 20-25m và 15m của sông Mê Kông. Di tích phân bố trên một khu vực trải dài 200km giữa Chhep và Snaul tỉnh Stung Treng. Đó là

các địa điểm cây số 280, 235, Srenbau, Kantnot, Prekte và Khain thuộc tả ngạn và các địa điểm Chhep, Strerussey hữu, hữu ngạn Mê Kông.

Công cụ được chế tác chủ yếu từ đá cuội sông. Phần lớn công cụ chế tác đơn giản, chỉ có một vài nhát ghe trên một mặt hay ở rìa lưỡi. Một ít công cụ chế tác cẩn thận hơn, có nhiều nhát ghe tạo thành những choppe, những công cụ hình đa diện, nạo, công cụ hình mũi cam... Ngoài công cụ đá, E. Saurin đã phát hiện được những công cụ làm bằng gỗ hoá thạch.

Qua kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ, E. Saurin cho rằng công cụ ở bậc thềm 40-45 m cổ hơn các công cụ ở bậc thềm 20-25m và 15m. Tuy nhiên, ở hai bậc thềm sau, công cụ ghe đẽo trên một mặt vẫn chiếm ưu thế, công cụ ghe đẽo trên cả hai mặt rất hiếm. Ở hai bậc thềm này cũng gặp công cụ làm bằng gỗ hoá thạch. E. Saurin cho các công cụ đá ở đây rất gần gũi với các công cụ cuội thuộc văn hoá Olduwai (sơ kỳ thời đại

---

\* TS. Vũ Công Quý, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á.

đá cũ ở châu Phi) và căn cứ vào các mảnh Textite (thiên thạch) trong các bậc thêm cổ, E.Saurin đã định niên đại di tích đá cũ miền Đông Campuchia vào 600.000 năm và xếp vào Trung kỳ Pleistocene.

Trong những công trình nghiên cứu ở thập kỷ 70 của thế kỷ XX cho biết niên đại của những mảnh Textite ở Đông Nam Á rất khác nhau. Vì vậy, việc định niên đại di tích đá cũ miền Đông Campuchia là phải dựa vào niên đại của Textite ở từng địa điểm<sup>(3)</sup>. Bởi vậy, cần phải xem xét lại niên đại mà E. Saurin đã định trước đây. Đồng thời, từ sau phát hiện của E. Saurin đến nay chưa có một cuộc điều tra, nghiên cứu nào được tiến hành ở đây. Hơn nữa, E. Saurin đã qua đời mà bộ sưu tập di tích đá cũ miền Đông Campuchia của ông chưa được công bố đầy đủ và chi tiết. Vì vậy, để có nhận thức đầy đủ và khách quan về di tích đá cũ ở miền Đông Campuchia cần phải có tư liệu mới.

## 2. Di tích Phnom Loang tỉnh Kampot miền Nam Campuchia

Phnom Loang là một núi đá vôi có nhiều hang động được người tiền sử sinh sống. J P. Carbonnel đã khai quật một số hang động ở đây. Trong đó, hang mang ký hiệu C57 khai quật năm 1968 là đáng lưu ý nhất<sup>(4)</sup>.

Hang C57 có 2 lớp văn hoá:

Lớp trên (LPI): Lớp cát có màu nâu nhạt, mỏng. J P. Carbonnel phát hiện được 2 mẫu xương có dấu vết mài và những công cụ bằng đá mài. Lớp này được định niên đại vào thời đại đá mới.

Lớp dưới (PLII): Lớp đất có màu nâu sẫm, dày từ 2-3 m. J. Carbonnel đã gặp lớp trầm tích có chứa xương cốt quần động vật có vú như: hươu, tê giác, linh cẩu... J P. Carbonnel và G. Guth đã định niên đại quần động vật này vào cuối Sơ kỳ Pleistocene và xếp chúng tương đương với quần động vật Stegodon- Orang Utăng ở Chu Khẩu Điểm (Trung Quốc).

Tuy nhiên, quần động vật ở Phnom Loang với các loài tiêu biểu là tê giác và linh cẩu. Các loài động vật này còn tồn tại trong thế Holocene và thậm chí, chúng còn tồn tại cho tới tận ngày nay. Vì thế, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng quần động vật ở Phnom Loang phải có niên đại vào Trung kỳ hay thậm chí vào Hậu kỳ Pleistocene<sup>(5)</sup>.

Ngoài di tích động vật, J.P. Carbonnel đã phát hiện nhiều xương thú có dấu vết ghe đập của con người và những mảnh san hô.

Mặc dầu không gặp công cụ lao động và di cốt người, nhưng với bằng chứng trên cho thấy có sự hoạt động của người cổ trong hang.

Như chúng ta đã biết, trong các trầm tích thuộc Hậu kỳ Pleistocene ở Hang Kéo Lèng (Lạng Sơn), ở Hang Hùm (Hàng Liên Sơn), các nhà nghiên cứu đã phát hiện được rằng người Honosapiens. Sọ Homosapiens cũng phát hiện được ở Thảm Hang (Thượng Lào). Bởi vậy, con người cổ ở Phnom Loang chắc chắn cũng thuộc Homosapiens.

## II. NHỮNG DI TÍCH ĐÁ MỚI SƠ KỲ VÀ HẬU KỲ

### 1. Di tích Loang Spean tỉnh Battambang

Hang Loang Spean thuộc núi đá vôi Phnom Teach Trung, cách Battambang về phía Bắc khoảng 38 km, do C. Mourer và R. Mourer phát hiện năm 1965 và đã được khai quật ba lần vào năm 1966, 1967 và 1968<sup>(6)</sup>.

Hang sâu 42 m, rộng 20. Hang rất thuận lợi cho người tiền sử sinh sống.

C. Mourer và R. Mourer đào 3 hố, ở ba vị trí khác nhau trong hang.

Hố ở giữa hang chính có tầng văn hoá dày 1,5 m được chia thành 9 lớp văn hoá (tính từ trên xuống là: L1-CRS, L2-CRT,

L3-CRM, L4-CN, L5-CG, L6-CB, L7-CS, L8-CC và L9-CR).

Hố ở cửa ra vào hang có tầng văn hoá mỏng hơn, được chia thành 4 lớp văn hoá (tính từ trên xuống là: CRa, CRb, CRc và CRd).

Hố ở mái đá trên có tầng văn hoá mỏng nhất, được chia thành 2 lớp văn hoá: Lớp trên (CTV) và lớp dưới (CM).

R. Mourer chia địa tầng Loang Spean thành 5 mức văn hoá<sup>(7)</sup>.

**Bảng : Địa tầng và niên đại Hang Loang Spean**

Lớp VH	Hố cửa hang	Niên đại	Hố giữa Hang chính	Niên đại
V	CRa	1120±50 năm cách nay MC 271	L1-CRS	1200±70 năm cách nay MC 270
IV	CRb	2950±90 năm cách nay MC 272	Không có hoặc L2-CRT	
III	CRc	3970±90 năm cách nay MC 174	L3-CRM	4000±90 năm cách nay MC 269
II			L4-CN	6240±70 năm cách nay MC 273
I			L5-CB L6-CG	8750±90 năm cách nay LY 439

+ Mức văn hoá I. Tương ứng với lớp 5 và 6 hố khai quật ở giữa hang chính, có niên đại là 8750 ± 90 năm cách nay. Mức này, gồm chưa xuất hiện. Kỹ nghệ đá chủ yếu là các mảnh tước không điển hình. Công cụ hạch hiếm.

+ Mức văn hoá II. Tương ứng lớp 4 hố khai quật ở giữa hang chính, có niên đại là 6240±70 năm cách nay. Kỹ nghệ đá chủ yếu là công cụ hạch bao gồm rìu ngắn, nạo, dao, công cụ hình đĩa và mảnh tước. Trong đó, một số mảnh tước

đã được tu sửa thành công cụ. Ở mức văn hoá này, có các hoá thạch động vật tương tự với các hoá thạch động vật trong khu vực như: trâu, bò, tê giác, hươu nai và nhuyển thể và gốm đã xuất hiện.

+ Mức văn hoá III. Tương ứng với lớp CRc hố khai quật ở cửa hang và lớp 3 hố khai quật ở giữa hang chính, có niên đại là 3970±90 năm cách nay và 4000± 90 năm cách nay. Kỹ nghệ đá chủ yếu là công cụ hạch, nhưng mảnh tước vẫn còn

nhiều. Đồ gốm phong phú hơn mức văn hoá trên. Về loại hình có các cốc hay bát có chân đế và các nồi nhỏ hình cầu. Về hoa văn trang trí, ngoài văn thừng, gốm được trang trí những băng khắc vạch có in chấm bên trong, xen kẽ với và những băng miết bóng hay để trơn làm nền.

+ Mức văn hoá IV. Tương ứng với lớp CRb hố khai quật ở cửa hang và lớp 2 hố khai quật ở giữa hang chính, có niên đại là  $2950 \pm 90$  năm cách nay. Kỹ nghệ đá và gốm đều phát triển hơn các mức văn hoá trước.

+ Mức văn hoá V. Tương ứng với lớp 1 hố khai quật ở giữa hang chính và lớp CRa hố khai quật cửa hang, có niên đại là  $1120 \pm 50$  năm cách nay và  $1200 \pm 70$

năm cách nay. Kỹ nghệ đá và gốm đều suy giảm..

Ở Loang Spean có 8502 hiện vật đá. Trong đó có: 34 công cụ (0,4%), 734 mảnh tước có dấu vết gia công hay sử dụng (8,7 %) và 7725 mảnh tước không có dấu vết gia công hay sử dụng (90,9%).

Công cụ đá Loang Spean chủ yếu được chế tác từ đá cuội. Phần lớn chỉ được gia công trên một mặt viên cuội, còn mặt kia vẫn giữ nguyên vỏ cuội. Công cụ được gia công trên hai mặt viên cuội hiếm.

Về mặt loại hình, công cụ cuội ở Loang Spean bao gồm: Nạo, rìu ngắn, công cụ hình đĩa, chopper... Trong đó, nạo chiếm tỷ lệ cao (34 %).

**Bảng 2: Phân loại công cụ đá ở Loang Spean**

Loại hình công cụ	Tỷ lệ %
1. Nạo	34
2. Công cụ đá có rìa lưỡi lệch	18
3. Rìu ngắn	18
4. Dao	12
5. Hạch đá	9
6. Công cụ hình đĩa	6
7. Chopper	3

Qua kỹ thuật chế tác và loại hình công cụ đá, chúng tôi cho Loang Spean là một di tích văn hoá Hoà Bình điển hình. Điều đó phù hợp với các niên đại sớm ở mức văn hoá I và II trên.

Tuy nhiên, ở Loang Spean còn có những niên đại rất muộn. Đó là niên đại  $1200 \pm 70$  năm cách nay hay 750 năm sau công nguyên và niên đại  $1120 \pm 50$  năm cách nay hay 850 năm sau công nguyên. Với hai niên đại muộn này,

những người khai quật cho rằng văn hoá Hoà Bình tồn tại kéo dài ở Loang Spean cho đến thời Vua Jayavarman II. Chắc chắn hai niên đại muộn này là thuộc giai đoạn cư chiếm sau trong hang lẫn vào tầng văn hoá Hoà Bình. Vì các mẫu than này chỉ cách mặt hang hiện nay từ 2-15cm.

Các nhà khai quật đã thấy gốm xuất hiện từ mức văn hoá II và cho Loang Spean là một di tích văn hoá Hoà Bình

có gốm xuất hiện sớm nhất trong các di tích Hoà Bình đã biết ở Đông Nam Á.

Như ta đã biết, trong một số di tích Hoà Bình ở Đông Nam Á, các nhà khai quật cũng gặp gốm. Nhìn chung, gốm trong các di tích Hoà Bình này đã ở vào giai đoạn phát triển cao hơn kỹ nghệ đá Hoà Bình. Gốm thuộc về chủ nhân hậu kỳ đá mới cư chiếm sau. Gốm Loang Spean chắc hẳn cũng thuộc về chủ nhân hậu kỳ đá mới cư chiếm sau trên chính di tích Hoà Bình này. Bởi lẽ, gốm Loang Spean, qua báo cáo của những nhà khai quật<sup>(8)</sup> cho thấy có trình độ trình độ tương đương với gốm của các di tích hậu kỳ đá mới trong khu vực.

Do vậy, chúng tôi cho rằng Loang Spean là một di tích mang đặc trưng văn hoá Hoà Bình điển hình ở Campuchia. Tuy nhiên, ngoài chủ nhân văn hoá Hoà Bình, có thể cư dân hậu kỳ đá mới cũng cư chiếm sau trong hang. Mà những mảnh gốm trên là bằng chứng cho sự cư chiếm của họ. Đồng thời, cư dân hiện đại sau này cũng có mặt trong hang, nên Loang Spean mới có niên đại muộn vào thời Jayavarman II.

## 2. Di tích Kbal Romeas tỉnh Kampot

Cồn sò Kbal Romeas nằm ở phía Tây tỉnh Kampot, do Phái đoàn Pavie phát hiện năm 1881. Phái đoàn Pavie cho biết cồn sò có tầng văn hoá dày 0,5 m<sup>(9)</sup>. Năm 1966, J.P. Carbonnel đã tiến hành điều tra, khảo sát cồn sò này<sup>(10)</sup>. Ông thu được nhiều mảnh gốm và cho rằng gốm ở Kbal Romeas có nét khác biệt và không thể so sánh với gốm của bất kỳ di tích nào đã biết ở Campuchia. Ông cũng

thu được một mẫu sò trong tầng văn hoá. Mẫu sò này có niên đại C14 là: 5370±40 năm cách nay hay 3420±40 trước công nguyên.

Ngoài những mảnh gốm sưu tập và niên đại C14 trên, cho đến nay chưa có cuộc điều tra, nghiên cứu nào được tiến hành ở đây. Trong khi đó, C. Gorman xếp cồn sò này vào văn hoá Hoà Bình ở Campuchia<sup>(11)</sup> là không có cơ sở khoa học.

Cũng như các quốc gia trên bán đảo Đông Dương, sau văn hoá Hoà Bình-Bắc Sơn đến trước hậu kỳ đá mới còn nhiều điểm trống, chúng ta chưa biết rõ những dạng trung gian giữa chúng. Ở Việt Nam, nhóm di tích Đa Bút, Cồn Trùng, Cồn Cổ Ngựa (Thanh Hoá) là một khâu trung gian đó. Ở Campuchia, di tích cồn sò Kbal Romeas có là một trong những khâu trung gian sau Loang Spean đến trước hậu kỳ đá mới không? Chúng ta phải chờ tư liệu mới.

## 3. Di tích Mimot

Mimot là một trong những di tích khảo cổ học đã được ghi chú trên Tạp chí của Trường Viễn Đông Bác cổ Pháp từ năm 1930 dưới một tên gọi chung là “Những công trình đất tròn”. Nhưng mãi đến năm 1957 loại hình di tích này mới được L. Malleret điều tra, nghiên cứu<sup>(12)</sup>.

Loại hình di tích “Những công trình đất tròn” phân bố rải rác khắp vùng đất đỏ phía Nam Trường Sơn, từ miền Tây Sông Bé (Việt Nam) tới miền Tây sông Mê Kông ngang với tỉnh Kompong Cham (Campuchia).

“Những công trình đất tròn” này có hai vòng thành đồng tâm, vòng trong cao hơn vòng ngoài. Độ cao trung bình của vòng thành là 2m và đường kính vòng thành trong từ 100-200m. Riêng di tích ở Lovia có đường kính vòng thành trong rộng tới 600m. Di tích này được các nhà nghiên cứu gọi là “Làng tròn”.

Năm 1962, B.P. Groslier đã tiến hành điều tra nghiên cứu loại hình di tích này ở Campuchia. Trong đó, ông đã khai quật di tích Mimot và kết quả khai quật được công bố vào năm 1966<sup>(13)</sup>.

Di tích Mimot có 2 vòng thành, đường kính vòng thành trong rộng 200 m. Hồ khai quật ở chính giữa vòng thành trong, có tầng văn hoá dày tới 3m, được chia thành 14 lớp văn hoá, thu được 1000 hiện vật đá mà chủ yếu là rìu đá mài và khoảng 20.000 mảnh gốm.

Theo B.P. Groslier rìu đá có 3 loại và phát triển sớm muộn như sau:

- Lớp văn hoá dưới: Chỉ xuất hiện rìu đá không có chuôi tra cán.
- Lớp văn hoá giữa: Chỉ gặp rìu đá có chuôi tra cán.
- Lớp văn hoá trên: Chỉ gặp rìu đá có vai.

B.P.Groslier đã gọi phức hợp hiện vật ở đây là “Văn hoá Mimot-Mimotians” và xếp Mimot vào hậu kỳ đá mới và cho rằng Momot là di tích đá mới quan trọng nhất và lớn nhất ở Đông Nam Á thời tiền sử.

Sau B.P.Groslier, năm 1970 J. P. Carbonnel đã điều tra, nghiên cứu lại những di tích thuộc loại này trên đất Campuchia<sup>(14)</sup>.

J.P.Carbonnel đã phân loại hình di tích này thành hai loại:

- Loại I. Tương tự với “Những công trình đất tròn” của L. Malleret.
- Loại II: Được J.P. Carbonnel mô tả như là những nhóm mộ.

Những nhóm mộ được phát hiện ở cả phía Tây và phía Đông Mê Kông. Ở Tây Mê Kông, di tích tập trung ở đồn điền Chamcar Andong và đồn điền Prek Kak. Ở Đông Mê Kông, di tích tập trung ở đồn điền Chup Thmar Pich và Peam Cheang. Ở các di tích này, J.P.Carbonnel đã sưu tập được những mảnh gốm và những chiếc rìu đá mài tương tự với các di vật ở Mimot do B.P. Groslier khai quật. Ông cũng sưu tập được một số mẫu than để xác định niên đại. Trong đó, mẫu than ở di tích Chamcar Andong có niên đại là 1150±100 năm cách nay hay 800 năm sau công nguyên và mẫu than ở Chup Thmas Pick có niên đại là: 2130±100 năm cách nay hay 180 năm trước công nguyên.

Cho đến nay, chúng ta chưa có báo cáo đầy đủ về “Những công trình đất tròn” nói chung và địa điểm Mimot nói riêng. Nhưng qua các loại rìu đá mài, những mảnh gốm, chúng tôi cho rằng địa điểm Mimot và “Những công trình đất tròn” ở Campuchia thuộc di sản văn hoá của cư dân hậu kỳ đá mới.

Tuy nhiên, các di tích này cũng được người thời sau cư chiếm. Bởi vậy, mẫu than ở di tích Chup Thmas Pick và ở di tích Chamcar Andong mới có niên đại muộn như vậy.

Ngoài ra, di sản văn hoá thuộc về cư dân hậu kỳ đá mới như: rìu (bôn) đá còn được phát hiện ở nhiều nơi trên đất Campuchia, nhất là ở khu vực các đền tháp Ang Kor nổi tiếng.

Như vậy, sau cộng đồng văn hoá Hoà Bình-Bắc Sơn chung rộng lớn, cư dân tiền sử trên Bán đảo Đông Dương đã dần dần phân thành những văn hoá nhỏ hẹp hơn. Vào giai đoạn hậu kỳ đá mới cư dân tiền sử trên Bán đảo Đông Dương đã phân bố rộng khắp các dải đồng bằng ven sông ven biển để làm nông nghiệp. Những văn hoá nhỏ hẹp này vừa mang đặc trưng chung gần gũi nhau, vừa mang nét đặc trưng địa phương riêng. Chẳng hạn: Trên Bán đảo Đông Dương vào giai đoạn này rất phổ biến loại rìu (bôn) đá có vai và đồ gốm có hoa văn khắc vạch chìm. Nhưng điểm khác nhau hay nét đặc trưng địa phương riêng là rìu (bôn) đá có vai nhọn hay có vai bằng và đồ án hoa văn gốm kiểu gì mà thôi.

### III. NHỮNG DI TÍCH THỜI ĐẠI KIM KHÍ

#### 1. Di tích Samrong Sen và Long Prao

Samrong Sen là một cồn sò hến nước ngọt nằm trên hữu ngạn sông Stung Chnit, huyện Kompong Cham, tỉnh Kompong Cham do Roques phát hiện vào năm 1876.

Ngay sau khi phát hiện đã có nhiều học giả Pháp đến điều tra, sưu tập hiện vật ở đây như: Noulet, M.Moura, L. Jammer. E. Cartaiac, Phái đoàn Pavie... Nhưng phải tới hai cuộc khai

quật của H. Mansuy vào năm 1902 và 1923, chúng ta mới có báo cáo về di tích khảo cổ học này<sup>(15)</sup>.

Mặc dầu, L. Jammer chỉ khảo sát và thu lượm hiện vật, nhưng lại đưa ra trật tự địa tầng của Samrong Sen bao gồm ba lớp văn hoá sớm muộn kế tiếp nhau như sau:

- Lớp dưới cùng: Thuần túy hiện vật đá và gốm thô. Lớp này là giai đoạn thuần túy đá mài (Hậu kỳ đá mới).

- Lớp giữa: Bên cạnh đồ đá mài đã xuất hiện hiện vật đồng thau và đồ gốm mỏng hơn. Lớp này là giai đoạn chuyển tiếp giữa thời đại đồ đá và thời đại đồng thau (Hậu kỳ đá mới-Sơ kỳ đồng thau).

- Lớp trên cùng: Đồ đồng thau chiếm ưu thế. Lớp này thuộc thời đại đồng thau.

Trong khi đó, H. Mansuy-Người đã hai lần khai quật di tích lại báo cáo rất mơ hồ về mặt địa tầng. Vì vậy, nhận thức của chúng ta về sự phát triển của cư dân cổ ở đây là rất khó khăn. Tuy nhiên, với báo cáo khai quật mô tả và phân loại hiện vật chi tiết của H. Mansuy, cùng những ghi chép tản mạn của các học giả đã điều tra sưu tập hiện vật ở cồn sò này, nhận thức chung của chúng ta về Samrong Sen là một di tích kim khí có hiện vật rất phong phú và đa dạng.

Với 300 hiện vật đá, H. Mansuy phân thành 8 nhóm. Trong đó, chiếm đa số là công cụ sản xuất như: rìu (hay bôn), đục, đục vũa.

Rìu có 2 loại: Loại có vai và loại không có vai.

Loại có vai thường có kích thước trung bình, vai được cửa rất vuông vức. Rìu được mài nhẵn.

Loại không có vai thường có kích thước lớn hơn. Rìu có lưỡi xoè cân, đốc thu nhỏ. Loại rìu này chúng ta gặp phổ biến trong các di tích hậu kỳ đá mới-sơ kỳ kim khí ở lưu vực sông Đồng Nai (Việt Nam).

Đồ trang sức Samrong Sen gồm có: Vòng tay và khuyên tai bằng đá.

Vòng tay có mặt cắt ngang hình chữ T hay hình tam giác, được chế tác bằng phương pháp khoan tách lõi.

Khuyên tai gồm có: Khuyên tai đá 4 mấu và khuyên tai đá có 3 mấu nhọn. Loại khuyên tai có 3 mấu nhọn rất giống với khuyên tai có 3 mấu nhọn đặc trưng của cư dân văn hoá Sa Huỳnh<sup>(16)</sup>. Còn loại khuyên tai có 4 mấu rất giống với khuyên tai có 4 mấu của cư dân văn hoá Phùng Nguyên.

Ngoài ra, ở Samrong Sen còn gặp loại khuyên tai bằng đất nung, bằng xương và loại vòng bằng đồng thau.

Hiện vật đồng thau ở Samrong Sen chủ yếu được sưu tập trên bề mặt. Tuy nhiên, trong cuộc khai quật lần II, H. Mansuy đã phát hiện một vài hiện vật đồng thau và một mảnh khuôn đúc. Điều đó đã khẳng định cư dân cổ ở Samrong Sen đã đúc đồng tại chỗ và chắc hẳn những hiện vật đồng thau sưu tập được ở đây là của chính cư dân cổ Samrong Sen.

Đồ đồng thau ở Samrong Sen gồm các loại: Rìu, giáo, dao, đục, lưỡi câu, chuông nhỏ và các mảnh vòng tay.

Rìu đồng thau đều thuộc loại có họng tra cán, trên họng tra cán thường có trang trí 2 đường gân nổi song song. Rìu gồm có 3 loại:

- Loại rìu có lưỡi xoè cân hình Hyperbol. Loại này tương tự với rìu ở Đốc Chùa, rìu loại I ở Non Nok Tha và rìu sưu tập ở Luổng Phabăng.

- Loại rìu có vai với bản lưỡi xoè rộng. Loại rìu này cũng gần gũi với rìu loại II ở Non Nok Tha

- Loại rìu có lưỡi hơi lệch. Loại này tương tự với rìu lưỡi lệch sưu tập ở Luổng Phabăng và khác với rìu lưỡi xéo văn hoá Đông Sơn.

Mũi giáo hình búp đa Samrong Sen giống mũi giáo văn hoá Đông Sơn

Con dao Samrong Sen trên một mặt có trang trí hoạ tiết chữ S nổi nhau. Hoạ tiết hoa văn trang trí này là hoạ tiết hoa văn trang trí đặc trưng của đồ đồng thau văn hoá Đông Sơn.

Gốm Samrong Sen phổ biến loại đồ đựng có thân hình cầu, đáy tròn và bát có chân đế cao với các hoạ tiết văn khắc vạch kết hợp với in chấm và miết bóng làm nền tương tự với gốm hậu kỳ đá mới-sơ kỳ đồng thau trong khu vực. Vì vậy, chúng tôi cho rằng loại gốm này cùng với các rìu đá, vòng tay đá và khuyên tai đá có 4 mấu trên là đại diện cho giai đoạn cư chiếm sớm ở Samrong Sen. Có thể xem niên đại C14 trong lớp đất sâu từ 1-1,5 m là: 3230±120 năm cách nay hay 1880 năm trước công nguyên là niên đại của giai đoạn cư chiếm sớm này ở Samrong Sen. Giai đoạn cư chiếm sớm này ở Samrong Sen thuộc đầu thời đại đồng thau.



Ở Samrong Sen còn gặp loại bát có chân đế cao trang trí hoa văn khắc vạch hồi văn kết hợp với chấm thô rất gần gũi với các bát của văn hoá Sa Huỳnh cổ điển (Sa Huỳnh sơ kỳ sắt) và những con lăn in hoa văn bằng đất nung rất gần gũi với những con lăn in hoa văn bằng đất nung ở Bản Chiang (Thái Lan), ở Lao Pako (Lào). Có thể hai loại hiện vật này cùng với khuyên tai đá có ba mút nhọn và những hiện vật đồng thau đã đề cập trên, là đại diện cho giai đoạn phát triển muộn ở Samrong Sen. Giai đoạn phát triển muộn này ở Samrong Sen đã ở vào hậu kỳ đồng thau - sơ kỳ sắt.

Trong khi khai quật Samrong Sen lần I, H. Mansuy đã điều tra và sưu tập hiện vật ở Long Prao - một cồn sò cách Samrong Sen về phía Nam khoảng 30 km do Dr Corre phát hiện. H. Mansuy cho di tích Long Prao tương tự với di tích Samrong Sen. Bởi vậy, ông đã gộp hiện vật ở Long Prao trong báo cáo về Samrong Sen.

## 2. Di tích Mlu Prei

Di tích Mlu Prei do M. Pollen phát hiện năm 1938. Năm 1940 P. Levy khai quật<sup>(17)</sup>. Mlu Prei gồm ba di chỉ: O Yak, O Pie Cãn và O Nari, nằm cách nhau trên dưới 2 km.

P. Levy đã báo cáo rất chi tiết các loại hiện vật từ đá đến đồng thau, sắt, từ đồ gốm đến đồ trang sức. Song các hiện vật lại báo cáo tách rời địa tầng. Vì thế, chúng ta khó có thể nhận biết sự phát triển từ sớm đến muộn của di tích khảo cổ học này.

Công cụ đá chủ yếu là rìu (bôn) có vai và rìu (bôn) không có vai.

Rìu (bôn) có vai thường là vai ngang nhưng hẹp, đốc dài, rìa tác dụng cong. Rìu có mặt cắt hình tứ giác.

Rìu bôn không có vai thường dài, có chu vi hình thang, mặt cắt ngang hình tứ giác (hay hình chữ nhật hoặc hình thang).

Công cụ bằng đồng thau và sắt. Ở Mlu-Prei, P. Levy đã phát hiện 6 rìu đồng thau, 1 đục sắt, 1 liềm đồng thau và 1 khuôn đúc liềm bằng đá sa thạch.

Các rìu đồng thau ở Mlu Prei có loại hình và hoa văn trang trí tương tự với rìu có lưỡi xoè cân ở Samrong Sen.

Chiếc liềm ở Mlu-Prei giống liềm ở địa điểm Chùa Thông Việt Nam.

P. Levy cũng sưu tập ở Mlu-Prei nhiều xương, răng động vật có dấu vết sử dụng hay được chế tác thành các công cụ như: dao, liềm, mũi tên, bàn xoa chế tạo gốm.

Đồ trang sức Mlu Prei gồm các loại: Vòng đá, vòng đồng thau; khuyên tai bằng đá, bằng gốm; hạt chuỗi bằng đá và bằng thuỷ tinh.

Đồ gốm Mlu Prei phong phú cả về loại hình và hoa văn trang trí.

Về loại hình, gốm Mlu-Prei phổ biến loại đồ đựng có thân hình cầu, miệng loe, đáy tròn hay có chân đế.

Về hoa văn trang trí, ngoài hoa văn thừng, gốm Mlu-Prei, phổ biến hoa văn khắc vạch như hoạ tiết hình răng cưa, gạch chéo, tam giác, zích zắc, lượn sóng và đặc biệt là hoạ tiết khắc vạch chữ S có chấm đậm.

Với các loại hiện vật tiêu biểu đề cập trên, chúng tôi cho rằng Mlu Prei là một di chỉ kim khí có niên đại kéo dài từ sơ kỳ đồng thau đến sơ kỳ sắt.

Ngoài các di tích trên, ở Campuchia còn phát hiện được những trống đồng, bình đồng và chuông đồng của cư dân văn hoá Đông Sơn.

\*\*\*

Như vậy, vào hậu kỳ đồng thau-sơ kỳ sắt các cư dân luyện kim, làm nông nghiệp trồng lúa nước trên Bán đảo Đông Dương nói riêng và Đông Nam Á lục địa nói chung cần mở rộng địa bàn sinh sống do sức sản xuất phát triển. Đồng thời, chính do sức sản xuất phát triển đã dẫn đến sự chuyển biến mạnh mẽ về mặt xã hội của các cư dân này. Mà những nhóm cư dân nhỏ bị hút vào những nhóm cư dân lớn. Trong quá trình đó, đã dần dần hình thành những trung tâm văn hoá kim khí rộng lớn như: Trung tâm khí khí Đông Sơn, trung tâm kim khí Sa Huỳnh, trung tâm kim khí Dốc Chùa (Việt Nam); trung tâm kim khí Non Nok Tha-Bản Chiang, trung tâm kim khí Bản Don Ta Phét-Chan Sén-Ongbah (Thái Lan); trung tâm kim khí Luổng Phạbăng, trung tâm kim khí Xiêng Khoảng (Lào). Ở Campuchia, di tích Samrong Sen và di tích Mlu Prei có thể cũng là một trung tâm kim khí. Những trung tâm kim khí này được coi là tiền đề kinh tế xã hội cho sự ra đời của các quốc gia cổ đại trong khu vực vào những thế kỷ đầu sau công nguyên.

## CHÚ THÍCH

1. C. Mourer and R. Mourer. Prehistoric Reseach in Cambodia during the last ten years. Asian Perspectives. Vol XIV, 1973, PP 33-42.
- R. Mourer. Contribution à l'Etude de la Prehistoire du Cambodge. Dans: Recherches Nouvelles sur le Cambodge. BEFEO. 1994.pp143-197.
2. E.Saurin. Premiers element sur la presence de galets aménages et de vieux Paleolithique au Cambodge. Comptes rendus sommaires de la Societe Geologique de France. 1963, 8, pp259-260.
- E. Saurin. Le Paleolitique du Cambodge Orient. Asian Perspectivé. Vol IX. 1968. pp96-110
3. Hà Văn Tấn. Nghiên cứu thời đại đá cũ Đông Nam Á trong thập kỷ 70. Thông báo khoa học. Viện BTL SVN. Số 2. Năm 1984, tr 12.
4. J.P. Carbonnel et P.Beberso. Industrie ossente et presente humaine dans le gisement pleistocene inferieur du Phnom Loang (Cambodge). Compte-Rendus Academie des sciences. Paris T 267, tr 2306-2308
- J.P.Carbonnel et G. Guth. Le gisement pleistocene inferieur du Phnom Loang (Cambodge): Stratigraphie et Faune. Compte-Rendus Academie des sciences. T 267, tr 2077-2080.
5. Hà Văn Tấn. Một số vấn đề về tiền sử Campuchia. Khảo cổ học. Số1-2/1986, tr 40-50.
- 6.C. Mourer and R. Mourer. The Prehistoric Industrie of Loang Spean, Province Battambang Cambodia. Archeology and

- Physical Anthropology in Oceania. Vol V, Sydney 1970. pp 128-146
- C. Mourer, R. Mourer et Y. Thommeret. Premières datations absolues de L'habitat préhistorique de la grotte de Laang Spean, province de Battambang (Cambodge). Comptes rendus de L'Académie des Sciences de Paris. 1970, 270, Serie D, PP 471-473.
- C. Mourer et R. Mourer. Note préliminaire sur la présence d'une industrie préhistorique dans la grotte de Loang Spean, province de Battambang, Cambodge. Tokyo, Proceedings of the VIII International Congress of the Anthropological and Ethnological Sciences. Vol Prehistory and Archaeology. 1970, pp141-142.
- R. Mourer. Loang Spean and Prehistory of Cambodia. Dans: Modern Quaternary Research in Southeast Asia. Rotterdam, 1977(3), pp29-56.
7. R. Mourer. Contribution à l'étude de la préhistoire du Cambodge. TLdd. P 150.
8. R. Mourer. Contribution à l'étude de la Préhistoire du Cambodge. TLdd, PP 152-157, PL II-V.
9. A. Pavie. Mission Pavie en Indochine 1879-1895. Vol III. Paris 1901.
10. J. P. Carbonnel et C. Delibrias. Premières datations absolues de trois gisements néolithiques Cambodgiens. Comptes-Rendus Académie des sciences. Paris. 1968. T 267, pp 1422-1434.
11. C. Gorman. The Hoabinhian and after substance patterns in Southeast Asia during the late Pleistocene and early recent periods. World archaeology. Vol 2. 1971.
12. L. Malleret. Ouvrages circulaires en terre dans L'Indochine méridionale. Bulletin de L'Ecole Française d'Extrême orient. T 59. Paris 1959. Fasc 2. PP 409-434.
13. B.P. Groslier. Indochine. Genève 1966. pp134-144.
14. R. Mourer. Contribution à l'étude de la préhistoire du Cambodge. TLdd, tr173-174.
15. H. Mansuy. Stations Préhistoriques de Somrong Sen et de Long Prao (Cambodge). Hanoi 1902.
- H. Mansuy. Contribution à l'étude de la préhistoire de L'Indochine. III. Résultats de nouvelles recherches effectuées dans le gisement préhistorique de Somrong Sen (Cambodge). Mémoire Service Géologique Indochine. Vol X(1). 1923. p 5-29.
- L. Finot. Ludovic Jammer- Préhistorien. Bulletin de L'Ecole Française d'Extrême orient. T XXVIII. N04. Hanoi 1928, p 473-479.
16. I.H.H.E. Loofs Wissowa. Prehistoric and Protohistoric links between the Indochinese Peninsula and the Philippines as exemplified by two types of Ear-ornaments. Journal of the Hong Kong Archaeological Society. Vol IX. 1980-1981. PL I.P 65.
17. P. Levy. Recherches Préhistoriques dans la région de Mlu-Prei accompagnées de comparaisons archéologiques et suivies d'un vocabulaire Française. P E F E O. 30. Hanoi 1943.